TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 777/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân phú, ngày 03 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 612/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: bà Đỗ Thị Á H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Phường S, quận Tân Phú, Tp.HCM

Người yêu cầu: ông Trương Trần Anh T, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: chung cư N, Phường 1, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Đỗ Thị Á H và ông Trương Trần Anh T. Xét việc thuận tình ly hôn của bà Đỗ Thị Á H và ông Trương Trần Anh T hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Bà H và ông T chung sống có 02 con chung tên Trương Thiên B sinh ngày 03/6/2004 và Trương Thiên P sinh ngày 24/02/2010, khi ly hôn giao trẻ Trương Thiên B cho bà H nuôi dưỡng, giao trẻ Trương Thiên P cho ông T nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ B mỗi tháng 3 triệu đồng/tháng cho đến khi trẻ B tròn 18 tuổi, thi hành kể từ tháng 9/2020; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ P đối với bà H cho đến khi ông T có yêu cầu

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về lệ phí Tòa án : bà Đỗ Thị Á H và ông Trương Trần Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Á H và ông Trương Trần Anh T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân Giấy Chứng nhận kết hôn số 174 ngày 11/11/2003 của Ủy ban nhân dân Phường O, Quận T, Tp.HCM chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H và ông T chung sống có 02 con chung tên Trương Thiên B sinh ngày 03/6/2004 và Trương Thiên P sinh ngày 24/02/2010, khi ly hôn giao trẻ T Thiên B cho bà H nuôi dưỡng, giao trẻ Trương Thiên P cho ông T nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ B mỗi tháng 3 triệu đồng/tháng cho đến khi trẻ B tròn 18 tuổi, thi hành kể từ tháng 9/2020; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ P đối với bà H cho đến khi ông T có yêu cầu

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H, ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Á H và ông Trương Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà H và ông T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0070755 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- UBND Phường O, Quận T, Tp.HCM
- Chi cục THA.DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Viết Hoàng Lâm